

Bản án số: 02/2023/HS-ST
Ngày 04 tháng 01 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phẩm

Bà Bùi Thị Hảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Mã Văn Hùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 04/01/2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 73/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2022.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Chu Văn P**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 29 tháng 4 năm 1993 tại huyện L, tỉnh N; Nơi thường trú: Xóm 4, xã Q, huyện L, tỉnh N; Nơi ở hiện tại: Số nhà 74, đường số 10, khu dân cư H 3, phường H, thành phố M, tỉnh B; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Đoàn thể, đảng phái: Không; Nghề nghiệp: Nguyên Phó giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn hãng kiểm toán và thẩm định giá A; địa chỉ: Số 24 đường số 4, khu phố 3, phường L, thành phố T, thành phố H; Bố đẻ: Chu N, sinh năm 1967; Mẹ đẻ: Lê Thị B, sinh năm 1971; Trú tại: Xóm 4, xã Q, huyện L, tỉnh N; Anh em ruột: Gia đình có 02 anh em, bị can là con thứ nhất; Vợ: Hoàng Thị N, sinh năm 1993; Trú tại: Số nhà 74, đường số 10, khu dân cư H 3, phường H, thành phố M, tỉnh B; Con: Có 01 người con, sinh năm 2020; R sự, R án: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/02/2022 đến ngày 26/02/2022, hiện tại ngoại, bị áp dụng biện P Cấm đi khỏi nơi cư trú tại Xóm 4, xã Q, huyện L, tỉnh N. (Có mặt).

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Công ty cổ phần X.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện P, thành phố H.

Người đại diện theo P luật: Ông Nguyễn Viết T – Giám đốc công ty. (Có đơn xin xử vắng mặt).

2. Công ty TNHH tư vấn và xây lắp M.

Địa chỉ: Số 16, ngõ 28 đường H, phường G, thành phố V, tỉnh P.
Người đại diện theo P luật: Ông Đỗ Hồng Q - Giám đốc công ty. (Vắng mặt).

3. Công Ty cổ phần dữ liệu T.

Địa chỉ: số 84 Duy Tân, phường D, quận C, thành phố H.
Người đại diện theo P luật: Ông Nguyễn Văn T - Giám đốc công ty. (Vắng mặt).

4. Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 47 P, thành phố Q, tỉnh B.
Nơi ở hiện nay: A1- 0406, Chung cư chương D, số 34 đường số 12, phường T, thành phố Đ, thành phố H. (Vắng mặt).

5. Đoàn Đức G, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Tổ 8, phường B, thành phố B, tỉnh B;
Nơi ở hiện nay: Số 9A, ngõ 322/22/28 đường M, phường M, quận T, thành phố H. (Vắng mặt).

6. Đỗ K, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Cụm 13 V, U, huyện T, thành phố H. (Vắng mặt).

7. Nguyễn Văn R, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ngõ 172 Đ, K, quận M, thành phố H. (Vắng mặt).

8. Trần Quốc H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Căn hộ 1002, CT2B, khu chung cư VOV, Mễ Trì, quận T, thành phố H. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tháng 8 năm 2020, Chu Văn P, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Xóm 4, xã Q, huyện L, tỉnh N; nơi ở hiện tại: Số 74, đường số 10, khu dân cư H 3, phường H, thành phố M, tỉnh B cùng anh Đoàn Đức G, sinh ngày 13/9/1993, trú tại: Tổ 8, phường B, thành phố B, tỉnh B; nơi ở hiện nay: Số 9A, ngõ 322/22/28 đường M, phường M 1, quận T, thành phố H; chị Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 30/6/1991, trú tại: Số 47 P, thành phố Q, tỉnh B; nơi ở hiện nay: A1-0406, Chung cư Chương Dương Home, số 34 đường số 12, phường T, thành phố Đ, thành phố H; anh Phan Văn T, sinh ngày 19/12/1993, trú tại: Xóm 1, xã Hợp Thành, huyện Yên Thành, tỉnh N; nơi ở hiện nay: Số 6, ngõ 11, T, phường H, thành phố V, tỉnh N; chị Lê Thị P, sinh ngày 28/12/1994, trú tại: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh T; nơi ở hiện nay: Số 15, ngõ 262 N, phường T, quận X, thành phố H và chị Nguyễn Thị Việt Trinh, sinh ngày 10/01/1993, trú tại: xã Kim Bình, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; nơi ở hiện nay: Số 76, ngõ 189 N, phường T, quận C, thành phố H đều là người được Bộ Tài chính cấp chứng chỉ Kiểm toán viên thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn Hãng kiểm toán và Thẩm định giá A (viết tắt là Công ty A) để hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ kiểm toán và được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 0312566947, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19/7/2021; địa chỉ: Số 24 đường số 4, Khu phố 3, phường X, thành phố Đ, thành phố H; vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng; người đại diện theo P luật là ông

Đoàn Đức G, sinh ngày 13/9/1993, Số CCCD: 034093004973 cấp ngày 05/9/2018, nơi cấp: Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư, Chức danh: Giám đốc, hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo Giấy chứng nhận số 224/KĐKT, do Cục Quản lý Giám sát kế toán, kiểm toán - Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 30/12/2020; Nguyễn Thị Minh H, Phan Văn T, Lê Thị P, Nguyễn Thị Việt Trinh là Kiểm toán viên. Tuy Đoàn Đức G là Giám đốc nhưng mọi hoạt động của Công ty A đều do Chu Văn P giữ cương vị Phó Giám đốc điều hành, để thuận tiện cho công việc anh Đoàn Đức G đồng ý để P khắc con dấu chữ ký của anh G, P quản lý con dấu tròn của Công ty A và con dấu chữ ký của Đoàn Đức G, con dấu chữ ký chỉ được phép sử dụng khi có sự đồng ý của G. Chu Văn P trả lương Nguyễn Thị Minh H, Phan Văn T, Lê Thị P, Nguyễn Thị Việt Trinh mỗi người 5.000.000 đồng/người/tháng, Đoàn Đức G được trả lương 8.000.000 đồng/tháng, bằng hình thức hàng tháng Chu Văn P chuyển vào tài khoản cá nhân của từng người, tháng 11/2021 Công ty A dừng hoạt động P đã trả cho Đoàn Đức G con dấu chữ ký của G.

Hình thức hoạt động của Công ty A như sau: Sau khi được cấp phép hoạt động, để thực hiện việc làm và phát hành báo cáo kiểm toán, Chu Văn P đã lập trang web A.com.vn có đầy đủ thông tin liên hệ của Công ty kiểm toán A đưa lên mạng Internet để quảng cáo, tiếp thị với khách hàng là các P nhân, tổ chức, doanh nghiệp... có nhu cầu sử dụng báo cáo kiểm toán độc lập. Khi khách hàng có nhu cầu kiểm toán liên hệ với P, P trao đổi với khách hàng về nhu cầu, mục đích kiểm toán và yêu cầu khách hàng gửi cho P tài liệu phục vụ kiểm toán, số liệu Báo cáo tài chính cần kiểm toán, thông tin công ty để P chuyển cho Kiểm toán viên thực hiện, sau đó xây dựng Báo cáo kiểm toán của Công ty, sử dụng con dấu Công ty đóng vào mục Giám đốc và lấy chữ ký Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán gửi chuyển phát nhanh ra H cho Đoàn Đức G ký vào mục Giám đốc để phát hành cho khách hàng, Đoàn Đức G ở H cũng chủ động tìm khách hàng và nhận tài liệu, số liệu cần kiểm toán, sau đó lập các file mềm Báo cáo kiểm toán hoàn chỉnh gửi cho Chu Văn P qua email hoặc zalo, để P in ra, đóng dấu tròn của Công ty vào mục chữ ký Giám đốc và lấy chữ ký của Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán gửi chuyển phát nhanh ra H cho Đoàn Đức G để G ký và phát hành trả cho khách hàng. Cơ quan điều tra đã xác định, quá trình hoạt động kiểm toán, năm 2021 Chu Văn P không thực hiện theo đúng quy định của luật kiểm toán mà đã lập các báo cáo kiểm toán, ký giả chữ ký của Kiểm toán viên để phát hành cho khách hàng, cụ thể như sau:

I. Thông qua Đoàn Đức G giới thiệu 3 công ty làm báo cáo kiểm toán.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã xác định được trong năm 2021, anh Đoàn Đức G đã giới thiệu cho Chu Văn P 03 công ty có nhu cầu kiểm toán, Chu Văn P đã làm 05 báo cáo kiểm toán giả chuyển cho Đoàn Đức G để G trả cho 3 đơn vị, G thu mỗi đơn vị là 4.000.000 đồng/1 năm báo cáo kiểm toán, tổng số R anh Đoàn Đức G thu của 3 công ty là 12.000.000 đồng, G chuyển cho P 9.500.000 đồng, Đoàn Đức G hưởng lợi 2.500.000 đồng, Chu Văn P thông qua Đoàn Đức G phát hành 05 bản báo cáo kiểm toán giả cho 03 đơn vị cụ thể như sau:

1. Hành vi làm 02 bản Báo cáo kiểm toán giả cho Công ty Cổ phần dữ liệu T.

Năm 2021, chị Đoàn Thị N là Kế toán Công ty Cổ phần Dữ liệu T, địa chỉ: Số 84 Duy Tân, phường D, quận C, H liên hệ anh Đoàn Đức G để làm Báo cáo kiểm toán năm tài chính 2019, năm 2020 cho Công ty mục đích dự định để vay vốn ngân hàng. Sau đó anh Đoàn Đức G thu thập tài liệu chuyển cho P để Công ty A thực hiện kiểm toán. Tuy nhiên P không chuyển tài liệu đã nhận từ G cho Kiểm toán viên thực hiện hoạt động kiểm toán theo quy định mà trực tiếp soạn thảo báo cáo kiểm toán và tự điều chỉnh số liệu của Công ty Cổ phần Dữ liệu T mà G đã chuyển cho P trước đó rồi in ra ký giả chữ ký kiểm toán viên Nguyễn Thị Minh H, đóng dấu Công ty A và chuyển cho Đoàn Đức G để anh G ký vào mục Giám đốc Công ty chuyển lại cho chị Đoàn Thị N. Khi soạn thảo và ký giả chữ ký Kiểm toán viên Nguyễn Thị Minh H trên các báo cáo kiểm toán trả cho Công ty Cổ phần Dữ liệu T, P không bàn bạc, trao đổi thống nhất với anh G nên khi nhận 02 bản báo cáo kiểm toán năm 2019 và năm 2020 của Công ty A để giao lại cho Công ty Cổ phần dữ liệu T, anh G và chị Nga không biết là báo cáo kiểm toán giả. Anh G đã thu của Công ty Cổ phần Dữ liệu T số R 4.000.000đ, chuyển cho P 3.000.000đ, anh G hưởng 1.000.000đ. Số R này P sử dụng cá nhân, không hạch toán theo dõi tại Công ty A. Tuy đã nhận được báo cáo kiểm toán do P làm giả và phát hành như đã nêu trên nhưng Công ty Cổ phần Dữ liệu T không sử dụng vào mục đích gì.

2. Hành vi làm 01 bản Báo cáo kiểm toán giả cho Công ty Cổ phần X.

Năm 2021, chị Ngô Thị H là Kế toán Công ty Cổ phần X, địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện P, thành phố H đã liên hệ với anh Đoàn Đức G trao đổi làm Báo cáo kiểm toán năm tài chính 2020 mục đích sử dụng để dự định đi đấu thầu. Sau đó Đoàn Đức G đã thông báo lại cho P biết, anh G thu thập tài liệu từ chị Ngô Thị H chuyển cho Chu Văn P để Công ty A thực hiện kiểm toán. Tuy nhiên, P không chuyển tài liệu đã nhận từ anh G cho Kiểm toán viên thực hiện hoạt động kiểm toán theo quy định mà trực tiếp soạn thảo Báo cáo kiểm toán năm 2020 in ra ký giả chữ ký Kiểm toán viên Nguyễn Thị Minh H, đóng dấu Công ty A chuyển qua Bưu điện ra H cho anh Đoàn Đức G để anh G ký chữ ký Giám đốc và chuyển lại cho chị Ngô Thị H. Khi soạn thảo và ký giả chữ ký Kiểm toán viên Nguyễn Thị Minh H trên báo cáo kiểm toán, Chu Văn P không bàn bạc, trao đổi thống nhất với Đoàn Đức G nên G không biết, khi nhận 01 bản Báo cáo kiểm toán năm 2020 của Công ty A, G đã ký vào mục Giám đốc và giao lại cho Công ty Cổ phần X, anh G và chị Hương đều không biết là báo cáo kiểm toán giả. Anh G đã thu của Công ty Cổ phần X số R 4.000.000 đồng, chuyển lại cho Chu Văn P 3.500.000 đồng, anh G hưởng 500.000 đồng. Số R này Chu Văn P sử dụng cá nhân, không hạch toán theo dõi tại Công ty A.

Báo cáo kiểm toán P làm và phát hành cho Công ty Cổ phần X nêu trên đều có số liệu trùng với sổ sách kế toán và báo cáo tài chính công ty đã kê khai với cơ quan quản lý thuế. Mặt khác do tin tưởng Công ty A được cấp phép hoạt động kiểm toán, khi kiểm toán công ty đều đã bàn giao đầy đủ hồ sơ để thực hiện kiểm toán

theo quy định nên Công ty Cổ Phần X không biết báo cáo kiểm toán của Công ty A do Chu Văn P làm giả. Do Công ty Cổ phần X không đủ điều kiện để tham gia dự thầu nên sau khi nhận báo cáo kiểm toán, Công ty Cổ phần X không sử dụng vào mục đích gì.

3. Hành vi làm 02 bản Báo cáo kiểm toán giả Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Xây lắp M.

Năm 2021, chị Hán Thị Thanh H là Kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Xây lắp M, địa chỉ: Số 16, ngõ 28, đường Hùng Quốc Vương, phường G, thành phố V, P thông qua Trần Quốc H, sinh năm 1990, trú tại: Căn hộ 1002, CT2B, khu chung cư VOV, Mễ Trì, quận T, thành phố H giới thiệu đã liên hệ với anh Đoàn Đức G để làm báo cáo kiểm toán năm 2020 mục đích sử dụng để đi dự thầu. Sau đó anh Đoàn Đức G đã thông báo lại cho Chu Văn P biết, anh G thu thập tài liệu rồi chuyển cho P để Công ty A thực hiện kiểm toán. Tuy nhiên Chu Văn P không chuyển tài liệu đã nhận từ Đoàn Đức G cho Kiểm toán viên thực hiện hoạt động kiểm toán theo quy định mà trực tiếp soạn thảo Báo cáo kiểm toán năm 2020 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Xây lắp M mà Đoàn Đức G đã chuyển cho P trước đó rồi in ra ký giả chữ ký Kiểm toán viên Nguyễn Thị Minh H, đóng dấu Công ty A chuyển cho Đoàn Đức G để G ký vào mục giám đốc và chuyển lại cho chị Hán Thị Thanh H. Khi soạn thảo và ký giả chữ ký Kiểm toán viên Nguyễn Thị Minh H trên 02 bản báo cáo kiểm toán năm 2020, Chu Văn P không bàn bạc, trao đổi thống nhất với Đoàn Đức G nên khi nhận 02 bản báo cáo kiểm toán năm 2020 của Công ty A Đoàn Đức G không biết nên đã ký vào mục giám đốc để giao lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Xây lắp M, Đoàn Đức G và chị Hán Thị Thanh H đều không biết là Báo cáo kiểm toán giả. Nhận được báo cáo kiểm toán, Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Xây lắp M thanh toán chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của Trần Quốc H số R 6.000.000 đồng, Huy hưởng lợi số R 2.000.000 đồng và chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của Đoàn Đức G số R 4.000.000 đồng, G giữ lại 1.000.000đ, còn lại chuyển cho P 3.000.000 đồng. Số R này P sử dụng cá nhân, không hạch toán theo dõi tại Công ty A.

Sau khi nhận được báo cáo kiểm toán do Chu Văn P làm giả như đã nêu trên, Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Xây lắp M đã sử dụng tham gia đấu thầu và trúng gói thầu: Thi công hạng mục công trình di chuyển đường điện để giải phóng mặt bằng công trình cải tạo, gia cố, nâng cấp đường Âu Cơ (giai đoạn 2) do Sở NN&PTNT tỉnh P làm chủ đầu tư. Đến nay, Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Xây lắp M vẫn tiếp tục thực hiện thi công gói thầu trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ được tổng số 05 bản Báo cáo kiểm toán do Chu Văn P làm giả cho Công ty Cổ phần dữ liệu T, Công ty Cổ phần X và Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn và xây lắp M.

Ngày 17/02/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ 01 con dấu chức danh “Phó Giám đốc Chu Văn P” và 01 con dấu tròn hình dấu “Công ty TNHH hãng kiểm toán và thẩm định giá A”.

Ngày 18/02/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định mẫu dấu Công ty A và chữ ký Kiểm toán viên đứng tên Nguyễn Thị Minh

H trên 05 bản Báo cáo kiểm toán thu giữ được nêu trên. Tại Kết luận trung cầu giám định số 277 ngày 21/02/2022 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh P kết luận:

+ Hình mẫu dấu tròn màu đỏ có nội dung “Công ty kiểm toán và thẩm định giá A” trên 05 bản Báo cáo kiểm toán so với mẫu con dấu Công ty A thu giữ được do cùng một con dấu đóng ra.

+ Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Minh H trên 05 bản Báo cáo kiểm toán không phải do Kiểm toán viên Nguyễn Thị Minh H ký ra.

Tại Cơ quan điều tra, Chu Văn P đã khai nhận sự việc như đã nêu trên.

Cơ quan điều tra đã triệu tập ghi lời khai của Nguyễn Thị Minh H và Đoàn Đức G, tại Cơ quan điều tra, chị Nguyễn Thị Minh H khai nhận có tham gia cùng Chu Văn P thành lập công ty kiểm toán A nhưng Nguyễn Thị Minh H không biết việc Chu Văn P tự ý ký giả chữ ký của mình trong các bản báo cáo kiểm toán, bản thân H không được ký vào 05 bản Báo cáo kiểm toán nêu trên của Công ty A. Đoàn Đức G khai không biết việc P ký giả chữ ký Kiểm toán viên vào 05 bản báo cáo kiểm toán mà Công ty A đã phát hành cho 03 công ty nêu trên.

II. Thông qua Đỗ K giới thiệu 7 công ty làm báo cáo kiểm toán.

Đỗ K, sinh năm 1992, trú tại: Cụm 13 V, U, huyện T, thành phố H có mối quan hệ quen biết từ trước từng là đồng nghiệp của nhau nên Chu Văn P có liên hệ bảo anh K tìm kiếm khách hàng có nhu cầu làm báo cáo kiểm toán chuyên cho Công ty của P thực hiện. Trong năm 2021, anh K đã giới thiệu cho P để bán 07 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (Báo cáo kiểm toán) giả cho 7 đơn vị. Anh K thu mỗi đơn vị là 7.500.000 đồng/1 năm báo cáo kiểm toán, tổng số R anh K thu của 7 đơn vị là 52.000.000 đồng, chuyển cho P: 38.875.000 đồng, hưởng lợi 13.500.000 đồng. Anh K đã tự nguyện nộp lại số R thu lời là 13.500.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã xác minh 03/07 đơn vị Chu Văn P khai làm báo cáo kiểm toán, cụ thể: Năm 2021, chị Nguyễn Thị N - Kế toán cho 2 công ty gồm: Công ty Cổ phần Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc, địa chỉ: Căn C23-26, Dự án khu nhà ở hỗn hợp, văn phòng dịch vụ Chùa Hà Tiên, đường Bà Triệu, phường B, thành phố Y, V và Công ty Cổ phần Giáo dục và Đào tạo B, địa chỉ: Số 312 đường N, phường X, quận X, thành phố H đã liên hệ với anh K để làm báo cáo kiểm toán cùng năm 2020 cho 02 công ty mục đích sử dụng để kiểm tra nội bộ công ty. Sau đó anh K đã thông báo lại cho P biết, anh K thu thập tài liệu chuyển cho P để Công ty A thực hiện kiểm toán. Tuy nhiên P không chuyển tài liệu đã nhận từ anh K cho Kiểm toán viên thực hiện hoạt động kiểm toán theo quy định mà trực tiếp soạn thảo báo cáo kiểm toán, in ra ký giả chữ ký kiểm toán viên Nguyễn Thị Minh H, đóng dấu Công ty A chuyển cho anh K để anh K chuyển lại cho chị Nhung. Khi soạn thảo và ký giả chữ ký kiểm toán viên Nguyễn Thị Minh H trên các báo cáo kiểm toán, P không bàn bạc, trao đổi thống nhất với anh K nên khi nhận báo cáo kiểm toán của Công ty A để giao lại cho 02 công ty trên anh K không biết là báo cáo kiểm toán giả. Tổng số R 02 công ty trên đã trả cho anh K

là: 15.000.000 đ, sau đó K giữ lại: 4.000.000 đồng, chuyển cho P: 11.000.000 đồng. Số R này P sử dụng cá nhân, không hạch toán theo dõi tại Công ty A.

Do tin tưởng Công ty A được cấp phép hoạt động kiểm toán, khi kiểm toán công ty đều đã bàn giao đầy đủ hồ sơ để thực hiện kiểm toán theo quy định nên Công ty Cổ phần Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc và Công ty Cổ phần Giáo dục và Đào tạo Bkhông biết báo cáo kiểm toán của Công ty A do P làm giả. Sau khi nhận báo cáo kiểm toán, 02 Công ty nêu trên sử dụng để kiểm tra hồ sơ nội bộ công ty, không sử dụng vào bất kỳ hoạt động kinh tế tài chính nào của công ty, hiện 02 Công ty đã làm thất lạc 02 bản báo cáo kiểm toán nên không có cơ sở thu hồi làm rõ.

Đối với Công ty Cổ phần Việt Nam Thương mại K, địa chỉ: Số 9, ngách 55/43 phố G, phường N, quận L, H: hiện tại công ty trên không còn hoạt động tại địa chỉ.

Đối với 04 đơn vị còn lại Chu Văn P không nhớ địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ xác minh, thu thập báo cáo kiểm toán.

III. Thông qua Nguyễn Văn R giới thiệu 08 công ty làm báo cáo kiểm toán.

Nguyễn Văn R, sinh năm 1993, địa chỉ: Ngõ 172 Đ, phường K, quận M, thành phố H có mối quan hệ quen biết từ trước từng là đồng nghiệp của nhau nên Chu Văn P có liên hệ bảo anh R tìm kiếm khách hàng cần làm báo cáo kiểm toán chuyển cho Công ty của P thực hiện. Trong năm 2021, anh Nguyễn Văn R đã giới thiệu cho P để làm **08** báo cáo tài chính đã được kiểm toán (Báo cáo kiểm toán) giả cho 8 đơn vị, anh R thu thập tài liệu rồi chuyển lại cho P để Công ty A thực hiện kiểm toán. Sau khi nhận tài liệu của các công ty, P không chuyển tài liệu đã nhận từ anh R cho Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán theo quy định mà trực tiếp soạn thảo, in ra ký giả chữ ký kiểm toán viên Nguyễn Thị Minh H tự ý đóng dấu chữ ký Đoàn Đức G và dấu Công ty A chuyển cho anh R để anh R chuyển lại cho 08 đơn vị. Khi soạn thảo P không bàn bạc, trao đổi thống nhất với anh R nên khi nhận 08 bản báo cáo kiểm toán độc lập của 08 đơn vị anh R không biết là báo cáo kiểm toán giả mà chuyển lại cho các đơn vị. Anh R thu mỗi đơn vị là 3.500.000 đồng/1 năm báo cáo kiểm toán, tổng số R anh R thu của 8 đơn vị là 35.500.000 đồng, chuyển cho P: 29.455.000 đồng, thu lời: 6.045.000 đồng. Anh R đã tự nguyện nộp lại số R thu lời là 6.045.000 đồng.

IV. Thông qua Trần Văn P giới thiệu 04 công ty làm báo cáo kiểm toán.

Trần Văn P, sinh năm 1994, địa chỉ: Tổ 18, phường Hoàng Liệt, quận M, H có mối quan hệ quen biết với Chu Văn P nên P có liên hệ bảo anh Phúc tìm kiếm khách hàng có nhu cầu làm báo cáo kiểm toán chuyển cho Công ty của P thực hiện. Trong năm 2021, P làm **04** báo cáo tài chính đã được kiểm toán (Báo cáo kiểm toán) giả cho 04 đơn vị khách hàng sau đó thông qua Phúc để trả cho các khách hàng, sau đó Phúc thu thập tài liệu chuyển lại cho P để Công ty A thực hiện kiểm toán. Tuy nhiên P không chuyển tài liệu đã nhận từ anh Phúc cho Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán theo quy định mà trực tiếp soạn thảo, in ra ký giả chữ ký kiểm toán viên Nguyễn Thị Minh H, tự ý đóng dấu chữ ký Giám đốc và dấu

Công ty A chuyển cho anh Phúc để anh Phúc chuyển lại cho 4 đơn vị. Khi soạn thảo Báo cáo kiểm toán, P không bàn bạc, trao đổi thống nhất với anh Phúc nên khi nhận 4 bản báo cáo kiểm toán độc lập của 4 đơn vị anh Phúc không biết là báo cáo kiểm toán giả mà vẫn chuyển cho các khách hàng. Anh Phúc thu mỗi đơn vị từ 3.500.000 đồng đến 6.500.000 đồng/1 năm báo cáo kiểm toán, tổng số R anh Phúc thu của 4 đơn vị là 20.000.000 đồng, Phúc giữ lại hưởng 1.350.000 đồng, còn chuyển cho P 18.650.000 đồng, số R này P không hạch toán vào công ty mà sử dụng cá nhân hết.

V. Các công ty trực tiếp liên hệ với Chu Văn P

Chu Văn P còn khai nhận năm 2021 còn có 06 cá nhân đã liên hệ trực tiếp với bị cáo để đặt vấn đề kiểm toán tài chính năm 2020 cho 07 công ty, gồm: Chị Đỗ Lan Anh- Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư K, địa chỉ: Lô B, ngõ 285 đường P, phường P, quận L, H; anh Vũ Anh H- Phó Giám đốc Công ty V, địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Viwassen, số 48 Tố Hữu, Trung Văn, quận T, H; Chị Nguyễn Thị H- Kế toán Công ty Cổ phần Nông nghiệp Đ, địa chỉ: số 15, hẻm 7, ngách 73, ngõ 1194 đường L, phường L, quận Đ, H; Chị Đường Thị Hải P - Kế toán Công ty Cổ Phần Xây dựng và Phát triển Thương mại Q, địa chỉ: Nhà N6-TTQĐ Lũ 971, xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, H; Chị Ngô Thị C- Kế toán Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Y và Công ty TNHH MTV Chế biến Nông sản Thực phẩm H, cùng địa chỉ: Km 6, Quốc lộ 2, xã Phú Cường, huyện Sn, H; Chị Trần Thị Minh C- Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại A, địa chỉ: Lô CN2, Cụm H, xã Ng, T, H, mục đích các công ty đặt vấn đề kiểm toán để kiểm tra nội bộ, vay vốn ngân hàng, Chu Văn P nhất trí, sau đó các cá nhân trên chuyển các tài liệu liên quan cho Phó để tiến hành kiểm toán theo quy định. Tuy nhiên, Chu Văn P không chuyển các tài liệu của các công ty cần kiểm toán đã nhận từ các cá nhân trên cho Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán theo quy định mà trực tiếp soạn thảo báo cáo kiểm toán, in ra, ký giả chữ ký Kiểm toán viên Nguyễn Thị Minh H trên các báo cáo kiểm toán, đóng dấu chữ ký giám đốc và dấu công ty và giao lại cho các cá nhân trên, Chu Văn P đã thu của Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Kim Gia Phú số R 9.000.000 đồng; của Công ty TNHH PMC VN số R 9.000.000 đồng; Công ty Cổ phần Nông nghiệp Đại An số R 7.000.000 đồng; Công ty Cổ Phần Xây dựng và Phát triển Thương mại Q số R 16.000.000 đồng; Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Yên Bình và Công ty TNHH MTV Chế biến Nông sản Thực phẩm H Hưng số R 18.000.000 đồng; Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại An Thành Phát số R 9.000.000 đồng. Tổng cộng 59.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng bị cáo Chu Văn P và các anh Đỗ K, Nguyễn Văn R, Trần Văn P đều không nhớ cụ thể đã phát hành báo cáo kiểm toán cho công ty nào. Đối với 07 Công ty trực tiếp liên hệ với Chu Văn P để làm báo cáo kiểm toán, do tin tưởng Chu Văn P là Phó Giám đốc Công ty A và đã giao đầy đủ hồ sơ, tài liệu để thực hiện kiểm toán cho Chu Văn P nên các cá nhân và 07 Công ty nêu trên đều không biết các bản báo cáo kiểm toán Chu Văn P làm giả, sau khi nhận báo cáo kiểm toán các công ty trên đều sử dụng để kiểm tra, đối chiếu nội bộ, không sử dụng vào mục đích gì khác, các bản

báo cáo kiểm toán Công ty A phát hành đều đã bị thất lạc, không công ty nào còn lưu giữ, Cơ quan điều tra không thu giữ được để giám định nên không có cơ sở xác định hành vi làm giả tài liệu của Chu Văn P đối với 19 bản báo cáo kiểm toán Chu Văn P khai phát hành thông qua Đỗ K, Nguyễn Văn R, Trần Văn P và 07 bản báo cáo kiểm toán Chu Văn P khai phát hành cho các công ty trực tiếp làm việc với Chu Văn P nêu trên.

Theo Chu Văn P khai đã làm giả 31 báo cáo kiểm toán, thu lời 164.480.000 đồng. Tuy nhiên Cơ quan Cảnh sát điều tra chỉ thu thập được 5 báo cáo kiểm toán để giám định, xác định là 05 bản báo cáo kiểm toán giả, thông qua việc phát hành 05 bản báo cáo kiểm toán giả cho Công ty T, Công ty X, Công ty M, Chu Văn P hưởng lợi 9.500.000 đồng, Đoàn Đức G hưởng lợi 2.500.000 đồng, Trần Quốc H hưởng lợi 2.000.000 triệu đồng.

Ngày 24/10/2022 Chu Văn P đã tự nguyện nộp số R 50.000.000 đồng; ngày 08/7/2022 anh Đỗ K đã tự nguyện giao nộp số R 13.500.000 đồng, ngày 27/8/2022 anh Nguyễn Văn R đã tự nguyện giao nộp số R 6.045.000 đồng. Số R nêu trên được nộp vào tài khoản tạm giữ số: 3949.0.9044149.00000 của Công an tỉnh P, mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh P.

Vật chứng tạm giữ trong vụ án:

1. 01 (một) con dấu chức danh “Phó Giám đốc Chu Văn P;
2. 01 (một) con dấu tròn hình dấu “Công ty TNHH hãng kiểm toán và thẩm định giá A”. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/12/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh P.

Tại bản cáo trạng số 31/CT-VKSPT-P1 ngày 22/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã truy tố Chu Văn P về tội: “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ thực hiện quyền công tố đã luận tội và tranh luận, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341; Điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Chu Văn P từ 24 tháng đến 30 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Chu Văn P từ 5.000.000đ đến 15.000.000đ để sung ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy những vật chứng gồm: 01 (Một) con dấu chức danh “Phó Giám đốc Chu Văn P; 01 (một) con dấu tròn hình dấu “Công ty TNHH hãng kiểm toán và thẩm định giá A”.

- Tịch thu số tiền 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) tiền thu lời bất chính do phạm tội mà có của bị cáo Chu Văn P. Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Trả lại cho bị cáo Chu Văn P số tiền 40.500.000đ (Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án

- Trả lại số tiền anh Đỗ K số tiền 13.500.000đ (Mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn R số tiền 6.045.000đ (Sáu triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

- Tịch thu của anh Đoàn Đức G số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) để sung ngân sách nhà nước. Xác nhận bị cáo Chu Văn P đã nộp thay theo pH thu số AA/2020/0000360 ngày 19/12/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh P.

- Tịch thu của anh Trần Quốc H 2.000.000đ (Hai triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước. Xác nhận bị cáo Chu Văn P đã nộp thay theo phiếu thu số AA/2020/0000361 ngày 19/12/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh P.

Buộc bị cáo Chu Văn P phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm..

* Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các quyết định của cơ quan cảnh sát điều tra; Viện kiểm sát được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Điều tra viên; Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự đã đảm bảo khách quan đúng quy định của P luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Chu Văn P khai nhận về hành vi phạm tội do bị cáo gây ra đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã truy tố. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu; kết luận giám định, lời khai của những người liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định:

Do mục đích vụ lợi, năm 2021 Chu Văn P là Phó Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Hãng kiểm toán và Thẩm định giá A, địa chỉ: Số 24 đường số 4, Khu phố 3, phường X, thành phố Đ, thành phố H đã làm giả 05 bản Báo cáo kiểm toán của Công ty trách nhiệm hữu hạn Hãng kiểm toán và Thẩm định giá A bằng cách không chuyển tài liệu cho Kiểm toán viên thực hiện quy trình kiểm toán mà tự soạn thảo Báo cáo kiểm toán độc lập, ký giả chữ ký của Kiểm toán viên Nguyễn Thị Minh H sau đó chuyển cho Giám đốc Công ty ký phát hành cho khách hàng là các công ty có nhu cầu kiểm toán, gồm: Công ty Cổ phần X 01 bản, Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn và xây lắp M 02 bản, Công ty Cổ phần dữ liệu T 02 bản, Chu Văn P hưởng lợi bất chính số R 9.500.000 đồng.

Hành vi nêu trên của Chu Văn P đã phạm vào tội: Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái P luật, thì bị phạt R từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

c) Làm từ 02 đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác.”

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, cụ thể là xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ quan nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính được luật hình sự bảo vệ. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm P luật nhưng vì mục đích tư lợi nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Quá trình học tập từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông bị cáo liên tục được xếp loại học sinh giỏi, xuất sắc, năm 2012 bị cáo được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh N tặng Giấy khen do có thành tích tiêu biểu trong học tập của huyện L năm 2011; Bị cáo tích cực nộp lại toàn bộ số R thu lợi bất chính để sung quỹ nhà nước và có cụ nội là ông Chu Quang được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì năm 2004, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Xét hành vi phạm tội, tính chất tội phạm, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thấy không cần buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính thì điều luật còn quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Xét thấy bị cáo đã nộp số tiền 50.000.000đ tiền thu lời bất chính, nhưng quá trình điều tra chỉ làm rõ được 05 báo cáo kiểm toán giả nên chỉ bị thu hồi số tiền thu lời bất chính do phạm tội mà có là 9.500.000đ, vậy nên phải áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy những vật chứng gồm: 01(một) con dấu chức danh “Phó Giám đốc Chu Văn P; 01 (một) con dấu tròn hình dấu “Công ty TNHH hãng kiểm toán và thẩm định giá A”.

- Tịch thu số tiền 9.500.000đ tiền thu lời bất chính do phạm tội mà có của bị cáo Chu Văn P. Xác nhận bị cáo Chu Văn P đã nộp số tiền 50.000.000đ. Trả lại số tiền 40.500.000đ (Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng) cho bị cáo Chu Văn P nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Anh Trần Quốc H giới thiệu cho P làm 02 báo cáo kiểm toán cho công ty M được hưởng lợi số tiền 2.000.000đ cần buộc anh Huy nộp lại số tiền trên là phù hợp. Xác nhận bị cáo Chu Văn P đã nộp thay theo phiếu thu số AA/2020/0000361 ngày 19/12/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh P.

- Anh Đoàn Đức G hưởng lợi số tiền trong việc giới thiệu cho P làm 02 báo cáo kiểm toán cho công ty M, 01 báo cáo kiểm toán của công ty X, 02 báo cáo kiểm toán của công ty T được hưởng lợi số R 2.500.000đ cần buộc anh G nộp lại số tiền trên là phù hợp. Xác nhận bị cáo Chu Văn P đã nộp thay theo phiếu thu số AA/2020/0000360 ngày 19/12/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh P.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo tự nguyện không yêu cầu anh Huy, anh G phải hoàn trả lại số R bị cáo đã nộp thay nên cần ghi nhận.

Ngày 08/7/2022 anh Đỗ K đã tự nguyện giao nộp số tiền 13.500.000đ, ngày 27/8/2022 anh Nguyễn Văn R đã tự nguyện giao nộp số tiền 6.045.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy các khoản tiền này là số tiền thu lợi trong việc giới thiệu khách hàng để bị cáo P làm các báo cáo kiểm toán. Tuy nhiên Cơ quan Cảnh sát điều tra chỉ thu thập được 05 báo cáo kiểm toán để giám định nên số tiền này không liên quan đến số lượng báo cáo kiểm toán mà bị cáo bị truy tố, xét xử, vì vậy cần trả lại cho anh K, anh R số tiền đã nộp là phù hợp.

[8] Đối với Đoàn Đức G là người giữ cương vị Giám đốc Công ty A, là người trực tiếp ký, ban hành 05 bản báo cáo kiểm toán do Chu Văn P làm giả, Trần Quốc H là người giới thiệu công ty có nhu cầu kiểm toán cho Đoàn Đức G để G giới thiệu cho P, tuy nhiên việc Chu Văn P giả chữ ký của kiểm toán viên, Đoàn Đức G, Trần Quốc H không biết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với Công ty T, Công ty X, Công ty M là các công ty có báo cáo kiểm toán giả của Công ty A, Công ty T, Công ty X không sử dụng báo cáo kiểm toán, Công ty M sử dụng vào hoạt động đấu thầu nhưng không biết bản báo cáo kiểm toán là giả nên không đề cập xử lý.

Đối với các cá nhân là Giám đốc, Phó giám đốc và kế toán của 07 Công ty do Chu Văn P khai đã trực tiếp liên hệ để P làm báo cáo kiểm toán, bản thân các cá nhân trên không biết P làm giả báo cáo kiểm toán, không thu giữ được các bản báo cáo kiểm toán Công ty A phát hành và các tài liệu liên quan nên không đề cập xử lý.

[9] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P đề nghị mức án và các vấn đề khác là phù hợp nên được chấp nhận

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 341; Điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Chu Văn P phạm tội: “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

[2] Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Chu Văn P 27 (Hai mươi bảy) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 54 (Năm mươi tư) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L, tỉnh N giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người phải thi hành án thay đổi nơi cư trú trong thời hạn thử thách thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Chu Văn P số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

[4] Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm b, c khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy những vật chứng gồm: 01 (Một) con dấu chức danh “Phó Giám đốc Chu Văn P; 01 (một) con dấu tròn hình dấu “Công ty TNHH hãng kiểm toán và thẩm định giá A”.

(Tất cả các vật chứng nêu trên có tình trạng cụ thể như biên bản bàn giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh P ngày 02/12/2022).

- Tịch thu số tiền 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) R thu lời bất chính do phạm tội mà có của bị cáo Chu Văn P. Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Trả lại cho bị cáo Chu Văn P số tiền 40.500.000đ (Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án

- Trả lại số R anh Đỗ K số tiền 13.500.000đ (Mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn R số tiền 6.045.000đ (Sáu triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Xác nhận tổng số tiền 69.545.000đ (Trong đó bị cáo Chu Văn P nộp 50.000.000đ, anh Đỗ K nộp 13.500.000đ và anh Nguyễn Văn R nộp 6.045.000đ) hiện đã được Cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Thọ chuyển vào tài khoản tạm giữ của Công an tỉnh Phú Thọ tại Kho bạc nhà nước tỉnh Phú Thọ ngày 25/10/2022.

Công an tỉnh Phú Thọ có trách nhiệm chuyển toàn bộ khoản tiền 69.545.000đ (Sáu mươi chín triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ để đảm bảo việc thi hành án.

Tịch thu của anh Đoàn Đức G số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) để sung ngân sách nhà nước. Xác nhận bị cáo Chu Văn P đã nộp thay theo phiếu thu số AA/2020/0000360 ngày 19/12/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh P.

Tịch thu của anh Trần Quốc H 2.000.000đ (Hai triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước. Xác nhận bị cáo Chu Văn P đã nộp thay theo phiếu thu số AA/2020/0000361 ngày 19/12/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh P.

[5]Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Chu Văn P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[6]Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CA, VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND cấp cao tại H;
- Sở tư P tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- Bị cáo.
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Q, huyện L, tỉnh N;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Tiến Dũng

**THÀNH VIÊN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Hoàng Tiến Dũng

**THÀNH VIÊN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Hoàng Tiến Dũng

Nơi nhận:

- CA, VKSND tỉnh P;
- VKSND cấp cao tại H;
- Sở tư P tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- Trại tạm giam công an tỉnh P;
- Bị cáo (Qua trại giam);
- Những người tham gia tố tụng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: HS, AV.

Hoàng Tiến Dũng

Nguyễn Quang Vũ

Hoàng Tiến Dũng

